

Số: 90/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 05 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHOÁ XX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế biện pháp điều hành ngân sách năm 2024; Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương, điều chỉnh, bổ sung, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2024;

Xét Tờ trình số 213/TTr-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-KTXH ngày 03/6/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đồng ý bổ sung biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024; cụ thể:

Bổ sung vào Điều 3 Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố nội dung: Giao Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ chi tiết đối với nguồn kinh phí chi khác ngân sách thành phố đã được bố trí

dự toán đầu năm nhưng chưa giao cụ thể cho đơn vị dự toán cấp I để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh. Việc phân bổ kinh phí phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại các kỳ họp thường lệ đối với nhiệm vụ được giao.

Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2024;

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

- Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí khóa XX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05/6/2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT.HĐND, UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND; Đại biểu HĐND TP;
- UB.MTTQ và các ban, ngành, đoàn thể TP;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

Số: 91/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 05 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc huỷ bỏ chủ trương đầu tư công trình Sửa chữa, nâng cấp các trạm bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử, thành phố Uông Bí

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố “Về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố”;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 21/5/2024 “Về việc huỷ bỏ chủ trương đầu tư công trình Sửa chữa, nâng cấp các trạm bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử, thành phố Uông Bí”; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTXH ngày 03/6/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Huỷ bỏ chủ trương đầu tư công trình Sửa chữa, nâng cấp các trạm bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử, thành phố Uông Bí.

Lý do huỷ bỏ chủ trương đầu tư: Trong thời gian tới thành phố dự kiến đầu tư đồng bộ công trình Nhà thờ trực của Ban quản lý Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử tại khu vực Trạm bảo vệ rừng số 1, do vậy việc sửa chữa, nâng cấp các trạm bảo vệ Rừng Quốc gia Yên Tử trong thời điểm hiện nay là không cần thiết.

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Hội đồng nhân dân thành phố trong việc đề nghị hủy bỏ chủ trương đầu tư, đảm bảo không gây lãng phí ngân sách nhà nước; hoàn thiện các thủ tục có liên quan đến việc chấm dứt chủ trương đầu tư công trình đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (B/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

Số: 92/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 05 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư
một số công trình trên địa bàn thành phố Uông Bí**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; Nghị quyết số 126 và Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố Uông Bí;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 21/5/2024 “Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số công trình trên địa bàn thành phố Uông Bí”; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-KTXH ngày 03/6/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với 03 công trình với các nội dung như sau:

1. Công trình Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc – VINACOMIN)

1.1. Nội dung điều chỉnh: Không thực hiện đầu tư đoạn hành lang bảo vệ đường sắt.

1.2. Lí do điều chỉnh: Đoạn hành lang bảo vệ đường sắt thuộc sự quản lý và đầu tư của ngành đường sắt. Thành phố sẽ phối hợp với ngành đường sắt triển khai đầu tư hạng mục này theo quy định của pháp luật để đảm bảo tính đồng bộ của tuyến đường.

1.3. Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 và Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố.

2. Công trình Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Ban chỉ huy quân sự thành phố Ưông Bí

2.1. Nội dung điều chỉnh

a) Điều chỉnh tên công trình

- Tên công trình được phê duyệt tại Điều 1 (Phụ lục 02) Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 là “Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Ban chỉ huy quân sự thành phố Ưông Bí”;

- Đề nghị điều chỉnh là: Tuyến đường giao thông dẫn vào trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố.

- Lí do điều chỉnh: Đảm bảo tên công trình thống nhất theo Nghị quyết 147/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh.

b) Điều chỉnh quy mô công trình

- Điều chỉnh Bền = 31,0m thành Bền + chân taluy = 31,0m; Trong đó điều chỉnh giảm hài hoà giữa nền đường và vỉ hè đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về công trình giao thông; đảm bảo kỹ, mỹ thuật và đồng bộ với các công trình hạ tầng có liên quan.

- Điều chỉnh kết cấu áo đường BTN C12,5 dày 5cm; BTN C19 dày 7cm thành kết cấu áo đường mềm bê tông nhựa.

- Lí do điều chỉnh: Điều chỉnh thông số kỹ thuật và kết cấu áo đường của công trình đảm bảo với điều kiện thi công và không vượt tổng mức đầu tư của công trình.

2.2. Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố.

3. Công trình Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Ưông Bí

3.1. Nội dung điều chỉnh

- Không thực hiện đầu tư hạng mục Chỉnh trang đường đôi từ Quảng Trường đến biểu tượng thành phố;

- Bổ sung hạng mục chỉnh trang Ngõ 560 đường Quang Trung, gồm: Cạp mở rộng mặt đường từ 6,0m thành 7,5m; lát vỉa hè bằng gạch terrazzo; cải tạo hệ thống rãnh dọc bên đường bằng cống hộp BTCT lắp ghép; Hạ ngầm hệ thống cáp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, di chuyển hệ thống cấp nước trong phạm vi đường mở rộng.

3.2. Lí do điều chỉnh

- Quy hoạch điều chỉnh khu trung tâm thành phố tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn đang triển khai thực hiện với quy mô đầu tư mới do vậy việc thực hiện đầu tư hạng mục Chính trang đường đôi từ Quảng Trường đến biểu tượng thành phố trong thời điểm hiện nay là chưa cần thiết.

- Bổ sung hạng mục chỉnh trang Ngõ 560 đường Quang Trung để đảm bảo mỹ quan tổng thể khu vực phía Nam hồ Công Viên theo quy hoạch chung thành phố Uông Bí.

3.3. Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND thành phố.

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước HĐND thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu. Đảm bảo việc điều chỉnh chủ trương đầu tư không ảnh hưởng đến các quyết định của cấp có thẩm quyền liên quan đến công trình và không ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư công trình, dự án, đặc biệt là giám sát khối lượng, chất lượng công trình. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện và có các giải pháp đề kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để công trình, dự án vào sử dụng phát huy hiệu quả sau đầu tư.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

Số: 93/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 05 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024”;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 31/5/2024 “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024”; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-KTXH ngày 03/6/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 được phê duyệt tại Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND thành phố là 187.600 triệu đồng trong đó (1) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 23.000 triệu đồng và (3) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng.

II. Phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2024

1. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 với giá trị là 5.388,013 triệu đồng, trong đó:

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 của 08 công trình và 01 chương trình là 5.388,013 triệu đồng, cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 07 công trình đã phê duyệt quyết toán là 173,377 triệu đồng, cụ thể:

(1) Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng) là 16,642 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 133,358 triệu đồng;

(2) Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí là 1,761 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 48,239 triệu đồng.

(3) Hàm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 25,987 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 624,013 triệu đồng;

(4) Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí là 9,557 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 250,443 triệu đồng;

(5) Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 32,371 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 167,629 triệu đồng;

(6) Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 46,79 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 13,21 triệu đồng;

(7) Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoành Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 40,269 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 9,731 triệu đồng;

Lý do điều chỉnh: Công trình đã được phê duyệt quyết toán, có nhu cầu vốn giảm so với giá trị phê duyệt ban đầu.

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 công trình chuyển tiếp năm 2024 là 14,636 triệu đồng, cụ thể:

(1) Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 14,636 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 385,364 triệu đồng;

Lý do điều chỉnh: Công trình đến nay cơ bản đã hoàn thành, có nhu cầu vốn giảm so với dự toán ban đầu.

c) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn chưa phân bổ của Vốn chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch là 5.200 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh: Phân bổ kế hoạch vốn chưa phân bổ cho công trình có nhu cầu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, khả năng giải ngân cao trong năm 2024.

1.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 cho 04 công trình là 5.388,013 triệu đồng, cụ thể:

a) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 02 công trình đã phê duyệt quyết toán là 851,285 triệu đồng, cụ thể:

(1) Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 143,623 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 173,623 triệu đồng;

(2) Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 172.164 triệu đồng; kế hoạch vốn phân bổ là 707,662 triệu đồng;

Lý do điều chỉnh: Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán dứt điểm khối lượng hoàn thành, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 02 công trình đang triển khai thực hiện có nhu cầu vốn thanh toán là 4.536,728 triệu đồng, cụ thể:

(1) Chỉnh trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Uông Bí là 3.936,728 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 15.536,728 triệu đồng;

(2) Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh là 600 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 10.100 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh: Các công trình đến nay cơ bản đã hoàn thành; có nhu cầu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, khả năng giải ngân cao trong năm 2024 do vậy bổ sung kế hoạch vốn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn.

2. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 137.444,652 tỷ đồng cho 31 công trình, trong đó:

2.1. Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Tỉnh là 10.000 triệu đồng cho 01 công trình theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh, cụ thể:

(1) Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1) là 10.000 triệu đồng.

2.2. Bổ sung Kế hoạch vốn ngân sách thành phố là 127.444,652 triệu đồng cho 30 công trình, trong đó

a) Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 76.000 triệu đồng cho 02 công trình theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh, cụ thể:

(1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 50.000 triệu đồng;

(2) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí là 26.000 triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách thành phố từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 51.444,652 triệu đồng cho 28 công trình, cụ thể:

- *Bổ sung 10.626,167 triệu đồng cho 04 công trình do BQLDA đầu tư xây dựng làm Chủ đầu tư đã phê duyệt quyết toán:* (1) Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphal khu dân cư hiện trạng có tổng mức đầu tư là 10.000 triệu đồng; kế hoạch vốn phân bổ là 2.018,267 triệu đồng; (2) Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 9.000 triệu đồng; kế hoạch vốn phân bổ là 896,459 triệu đồng; (3) Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 172.164 triệu đồng; kế hoạch vốn phân bổ là 7.445,473 triệu đồng; (4) Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hướng tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông có tổng mức đầu tư là 2.460 triệu đồng; kế hoạch vốn phân bổ là 265,968 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh: Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán dứt điểm khối lượng hoàn thành, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- *Bổ sung 17.700 triệu đồng cho 03 công trình do BQLDA đầu tư xây dựng làm Chủ đầu tư đang triển khai thực hiện là:* (5) Chỉnh trang tuyến đường Lụng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lụng Xanh, thành phố Uông Bí là 8.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 16.244,39 triệu đồng; (6) Chỉnh trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, thành phố Uông Bí là 3.300 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 4.500 triệu đồng; (7) Chỉnh trang đường Phú Thanh Tây đoạn từ QL18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí là 6.400 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 8.100 triệu đồng;

Lý do điều chỉnh: Các công trình đến nay cơ bản đã hoàn thành, có nhu cầu vốn, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư.

- *Bổ sung 23.118,485 triệu đồng cho 21 công trình khởi công mới năm 2024 gồm :*

+ *Đối với BQLDA đầu tư xây dựng thành phố: Bổ sung 10.968,485 triệu đồng cho 02 công trình:* (8) Trường Mầm non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 14.600 triệu đồng; kế hoạch vốn phân bổ là 6.000 triệu đồng; (9) Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 11.000 triệu đồng; kế hoạch vốn phân bổ là 4.968,485 triệu đồng;

+ *Đối với các xã phường: Ngân sách thành phố hỗ trợ 12.150 triệu đồng cho 19 công trình, gồm:*

++ Hỗ trợ UBND phường Yên Thanh 1.500 triệu đồng cho công trình Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (dự án có tổng mức đầu tư là 2.800 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.500 triệu đồng).

++ Hỗ trợ phường Phương Nam 550 triệu đồng cho công trình: Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí (dự án có tổng mức đầu tư là 800 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 550 triệu đồng).

++ *Hỗ trợ phường Trung Vương 6.200 triệu đồng thực hiện 08 công trình:* (1) Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 2.766 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.400 triệu đồng; (2) Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.971 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.000 triệu đồng; (3) Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 2.195 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.100 triệu đồng; (4) Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 561 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 300 triệu đồng; (5) Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.100 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 600 triệu đồng; (6) Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.242 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 650 triệu đồng; (7) Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.100 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 550 triệu đồng; (8) Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương có tổng mức đầu tư là 1.127 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 600 triệu đồng;

++ *Hỗ trợ phường Vàng Danh 3.900 triệu đồng thực hiện 09 công trình:* (1) Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 1.400 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 700 triệu đồng; (2) Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 650 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 350 triệu đồng; (3) Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 550 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 250 triệu đồng; (4) Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 900 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 450 triệu đồng; (5) Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 800 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 400 triệu đồng; (6) Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cụt đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 900 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 450 triệu đồng; (7) Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 400 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 200 triệu đồng; (8) Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 350 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 200 triệu đồng; (9) Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 1.750 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 900 triệu đồng;

Lý do hỗ trợ: Các công trình đầu tư để đảm bảo điều kiện làm việc của các địa phương, giải quyết kiến nghị của cử tri và phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

III. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh bổ sung là 325.044,652 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;
- Ngân sách thành phố là 315.044,652 triệu đồng, gồm: (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 76.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 23.000 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng và (5) nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 51.444,652 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu; quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo đúng chỉ đạo của tỉnh, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí. Việc hỗ trợ các phường, xã thực hiện theo cơ chế chỉ hỗ trợ một lần cho một công trình dự án.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ và có giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa dự án công trình vào sử dụng đúng tiến độ nhằm phát huy hiệu quả sau đầu tư. Thực hiện chế độ báo cáo HĐND thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

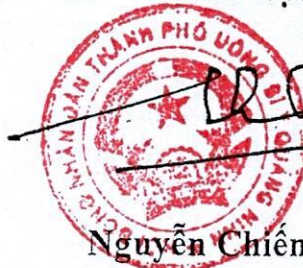
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND Thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 (phê duyệt tại NQ số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND TP)				Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024				Bổ sung KH vốn năm 2024 (nguồn tăng thu NS năm 2023 dành cho ĐTXD)	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh				Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tiền sử dụng đất		Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than		Tổng số	Tiền sử dụng đất		Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD			
						Tiền sử dụng đất	Tổng cộng	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Tăng	Giảm	Tăng						Giảm		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG CỘNG	38			351.806	23.050	14.050	9.000	5.244,390	5.244,390	143,623	143,623	51.444,652	74.494,652	14.050,000	9.000,000	51.444,652		
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	7			206.945	850	850	0	707,662	44,390	0,000	0,000	10.626,167	12.139,439	1.513,272		10.626,167		
I	BQLĐA Đầu tư xây dựng	6			204.485	850	850		707,662	44,390			10.360,199	11.873,471	1.513,272		10.360,199		
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	10834	13/12/2021	4.000	150	150			16,642				133,358	133,358			Đã PDQT	
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	10840	13/12/2021	3.821	50	50			1,761				48,239	48,239			Đã PDQT	
3	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	4372	20/6/2022	5.500	650	650			25,987				624,013	624,013			Đã PDQT	
4	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphan khu dân cư hiện trạng	1	8858	30/10/2019	10.000								2.018,267	2.018,267			2.018,267	Đã PDQT	
5	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7453a	26/10/2019	9.000								896,459	896,459			896,459	Đã PDQT	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Từ đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7042	31/10/2018	172.164				707,662				7.445,473	8.153,135	707,662		7.445,473	Đã PDQT	
	UBND phường Phương Đông	1			2.460								265,968	265,968			265,968		
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hướng tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	6022	14/9/2022	2.460								265,968	265,968			265,968	Đã PDQT	
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2023	10			96.509	17.000	8.000	9.000	4.537		143,623	143,623	17.700	39.236,728	12.536,728	9.000,000	17.700		
I	BQLĐA Đầu tư xây dựng	10			96.509	17.000	8.000	9.000	4.536,728		143,623	143,623	17.700	39.236,728	12.536,728	9.000,000	17.700		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 (phê duyệt tại NQ số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND TP)						Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024					Bổ sung KH vốn năm 2024 (nguồn tăng thu NS năm 2023 dành cho DTXD)	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh					Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công cộng	Trong đó		Tiền sử dụng đất		Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than		Tổng số	Trong đó											
							Tiền sử dụng đất	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		Tiền sử dụng đất	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho DTXD									
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16							
1	Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	581	23/02/2023	1.038	30		30			143,623			173,623		173,623			Dã PDQT						
2	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thường Yên Công, thành phố Uông Bí	1	850	14/3/2023	2.866	260		260				9,557		250,443		250,443			Dã PDQT						
3	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	858	14/3/2023	2.815	200		200				32,371		167,629		167,629			Dã PDQT						
4	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	856	14/3/2023	982	60		60				46,790		13,210		13,210			Dã PDQT						
5	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoàng Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	857	14/3/2023	552	50		50				40,269		9,731		9,731			Dã PDQT						
6	Chính trang tuyến đường Lương Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lương Xanh, thành phố Uông Bí	1	810	10/3/2023	49.767	3.600	3.600		3.936,728				8.000	15.536,728	7.536,728			8.000							
7	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	6213	06/11/2023	14.417	9.500	1.500	8.000	600,000					10.100	2.100	8.000									
8	Chính trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Uông Bí	1	5210	17/10/2023	9.360	1.200	1.200						3.300	4.500	1.200			3.300							
9	Chính trang đường Phố Thanh Tây đoạn từ Quốc lộ 18 đến Nhà văn hóa khu Phố Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	5231	18/10/2023	13.565	1.700	1.700						6.400	8.100	1.700			6.400							
10	Rãnh thoát nước ở 7 khu 2, phường Vàng Danh	1	5069	10/10/2023	1.147	400		400				14,636		385,364		385,364									
C	CÔNG TRÌNH KHỎI CÔNG NĂM 2024	21			48.352								23.118,485	23.118,485				23.118,485							
I	BỘ LẠ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	2			25.600								10.968,485	10.968,485				10.968,485							
1	Trường Mầm non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7219	12/12/2023	14.600								6.000	6.000				6.000							

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 (phê duyệt tại NQ số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND TP)				Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024				Bổ sung KH vốn năm 2024 (nguồn tăng thu NS dành cho ĐTXD)	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh				Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Tiền sử dụng đất		Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than		Tổng số		Trong đó				
							Tiền sử dụng đất	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			Tiền sử dụng đất	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
2	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	2477	24/4/2024	11.000								4.968,485	4.968,485				4.968,485	
II	UBND các xã, phường	19			22.752								12.150	12.150				12.150	
	UBND phường Yên Thanh	1			2.800								1.500	1.500				1.500	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	117 Phường	21/5/2024	2.800								1.500	1.500				1.500	
	UBND phường Phương Nam	1			800								550	550				550	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	182 Phường	14/5/2024	800								550	550				550	
	UBND phường Trưng Vương	8			11.941								6.200	6.200				6.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	34 Phường	24/01/2024	2.766								1.400	1.400				1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	33 Phường	22/01/2024	1.971								1.000	1.000				1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	36 Phường	24/01/2024	2.195								1.100	1.100				1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	33A Phường	22/01/2024	561								300	300				300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	110 Phường	21/5/2024	1.100								600	600				600	
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	328 Phường	31/12/2023	1.128								650	650				650	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 (phê duyệt tại NQ số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND TP)						Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024						Bổ sung KH vốn năm 2024 (nguồn tăng thu NS năm 2023 dành cho DTXD)	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh					Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Tiền sử dụng đất		Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than		Tổng số	Trong đó												
							Tiền sử dụng đất	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tiền sử dụng đất		Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho DTXD											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16									
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Lành Khu Đèn Công 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	33B Phường	22/01/2024	1.099								550	550			550										
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Nặng đến Trạm bơm nước Khu Đèn Công 1, phường Trưng Vương	1	327 Phường	31/12/2023	1.120								600	600			600										
	UBND phường Vàng Danh	9			7.211								3.900	3.900			3.900										
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	162 Phường	26/4/2024	1.391								700	700			700										
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Láo, phường Vàng Danh	1	154 Phường	26/4/2024	547								350	350			350										
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	160 Phường	26/4/2024	516								250	250			250										
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá Khu 1, phường Vàng Danh	1	158 Phường	26/4/2024	895								450	450			450										
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	156 Phường	26/4/2024	743								400	400			400										
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cắt đến cầu Lán Thấp, phường Vàng Danh	1	157 Phường	26/4/2024	843								450	450			450										
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên Khu 5a, Khu 5b, phường Vàng Danh	1	155 Phường	26/4/2024	295								200	200			200										
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, Khu 3, phường Vàng Danh	1	159 Phường	26/4/2024	231		1						200	200			200										
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, Khu 5A, phường Vàng Danh	1	161 Phường	26/4/2024	1.750								900	900			900										
D	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUỸ HOẠCH (kế hoạch vốn chưa phân bổ)					5.200	5.200			5.200																	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024							Ghi chú		
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Trong đó			Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu
										NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố							NS Tỉnh	NS Thành phố			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
	TỔNG CỘNG	69						1.433.992	1.433.992	646.970	776.420	10.602	923.627	813.032	372.990	440.042	325.045	10.000	315.045	140.000	23.000	24.600	51.445	76.000			
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	9						225.632	225.632	100.000	125.632	0	216.068	105.473	0	105.473	14.089	0	14.089	3.463			10.626				
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	8						223.172	223.172	100.000	123.172	0	213.702	103.373	0	103.373	13.823	0	13.823	3.463			10.360				
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000		4.000		3.750	3.750		3.750	133		133						ĐB PDQT		
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821		3.821		3.500	3.500		3.500	48		48						ĐB PDQT		
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688		3.688		3.250	3.250		3.250	250		250								
4	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999		14.999		12.500	12.500		12.500	1.700		1.700								
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500		5.500		4.700	4.700		4.700	624		624						ĐB PDQT		
6	Dầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đót của dự án với khu dân cư hiện trạng và thềm asphan khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	10.000		10.000		6.018	4.000		4.000	2.018		2.018				2.018		ĐB PDQT		
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000		9.000		8.687	7.790		7.790	896		896				896		ĐB PDQT		
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đá Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164		172.164		171.297	63.882		63.882	8.153		8.153	708			7.445		ĐB PDQT		
	UBND phường Phương Đông	1						2.460	2.460		2.460		2.366	2.100		2.100	266		266				266		ĐB PDQT		
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hoàng tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	2.460		2.460		2.366	2.100		2.100	266		266				266		ĐB PDQT		
B	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP NĂM 2023	25						985.157	985.157	546.970	438.187	0	701.861	701.861	372.990	328.871	160.037	10.000	150.037	24.637	15.000	16.700	17.700	76.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	24						568.187	568.187	130.000	438.187	0	328.871	328.871	0	328.871	150.037		150.037	24.637	15.000	16.700	17.700	76.000			
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000		25.000		21.300	21.300		21.300	1.000		1.000								
2	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292	10903	13/12/2021	289.758	289.758		159.758		206.768	206.768		206.768	65.000		65.000		15.000			50.000			
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí	1	7998646	799	074	7643; 4096	30/11/2022; 10/8/2023	116.855	116.855		116.855		40.000	40.000		40.000	26.000		26.000					26.000			

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt						Kết cấu nguồn vốn						Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khởi công	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó														
										NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố				Tiền sử dụng đất	Phụ Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho DTXD	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu										
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22									
4	Kế đã khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lân Thập), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8016383	799	312	581	23/02/2023	1.038	1.038		1.038		813	813		813	174		174				174			Đa PDQT								
5	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Bò, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019575	799	312	850	14/3/2023	2.866	2.866		2.866		2.245	2.245		2.245	250		250				250			Đa PDQT								
6	Cải tạo nâng cấp và hệ đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Tráng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8019573	799	312	858	14/3/2023	2.815	2.815		2.815		2.600	2.600		2.600	168		168				168			Đa PDQT								
7	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8019574	799	312	856	14/3/2023	982	982		982		900	900		900	13		13				13			Đa PDQT								
8	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoàng Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8019692	799	312	857	14/3/2023	552	552		552		500	500		500	10		10				10			Đa PDQT								
9	Chính trang tuyến đường Lương Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lưng Xanh, thành phố Uông Bí	1	8035243	799	312	810	10/3/2023	49.767	49.767		49.767		26.945	26.945		26.945	15.537		15.537					8.000										
10	Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước từ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8036363	799	312	3537	05/7/2023	4.943	4.943		4.943		4.000	4.000		4.000	500		500					500										
11	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8036365	799	371	3586	06/7/2023	1.594	1.594		1.594		1.200	1.200		1.200	300		300															
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8036366	799	292	3799	20/7/2023	7.607	7.607		7.607		3.100	3.100		3.100	3.600		3.600					3.600										
13	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn	1	8052993	799	071	5209	17/10/2023	7.884	7.884		7.884		2.000	2.000		2.000	5.100		5.100					5.100										
14	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	8035845	799	161	6213	06/11/2023	14.417	14.417		14.417		3.500	3.500		3.500	10.100		10.100				8.000											
15	Chính trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Uông Bí	1	8053005	799	312	5210	17/10/2023	9.360	9.360		9.360		2.200	2.200		2.200	4.500		4.500					3.300										
16	Quốc lộ 18 đến Nhà văn hóa khu Phố Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	8053004	799	312	5231	18/10/2023	13.565	13.565		13.565		3.500	3.500		3.500	8.100		8.100					6.400										
17	Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8052994	799	161	5117	12/10/2023	2.801	2.801		2.801		1.000	1.000		1.000	1.600		1.600															
18	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	8052995	799	312	5189	16/10/2023	10.094	10.094		10.094		2.500	2.500		2.500	6.000		6.000				6.000											
19	Tuyến đường nối đồng của ông Bầu thôn Nham Mãn 1, xã Thượng Yên Công	1	8053025	799	292	4514	12/9/2023	1.058	1.058		1.058		700	700		700	300		300				300											
20	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Nham Mãn 2, xã Thượng Yên Công	1	8052998	799	292	5041	09/10/2023	347	347		347		200	200		200	100		100				100											
21	Tuyến đường nối đồng Một Mãn, thôn Tập Bò, xã Thượng Yên Công	1	8052999	799	292	5042	09/10/2023	648	648		648		400	400		400	200		200				200											

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Trong đó	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho BTXD	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu				
										NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố												
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22			
22	Tuyến mương của ông Mai thôn Khe Sủ 2, xã Thương Yên Công	1	8053000	799	312	5068	10/10/2023	414	414		414		300	300		300	100		100			100						
23	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vang Danh	1	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147	1.147		1.147		700	700		700	385		385			385						
24	Mương thoát nước khu 5A, phường Vang Danh	1	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676	2.676		2.676		1.500	1.500		1.500	1.000		1.000			1.000						
II	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	I						416.970	416.970	416.970			372.990	372.990	372.990		10.000	10.000										
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	1	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970	416.970			372.990	372.990	372.990	10.000												
C	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2024	28						210.076	210.076		199.474	10.602	1.200	1.200		1.200	144.118		144.118	105.100	8.000	7.900	23.118					
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	9						187.324	187.324		187.324		1.200	1.200		1.200	131.968		131.968	105.100	8.000	7.900	10.968					
1	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000	65.000		65.000		400	400		400	50.000		50.000	50.000								
2	Xử lý diểm sụt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000	9.000		9.000		400	400		400	7.000		7.000			7.000						
3	Sửa chữa kẻ suối Vang Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vang Danh	1	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920	920		920						900		900									
4	Chỉnh trang đô thị tại khu vực đối Dinh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719	3.719		3.719						3.000		3.000	3.000								
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662	12.662		12.662						10.000		10.000	10.000								
6	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000	60.000		60.000		400	400		400	42.100		42.100	42.100								
7	Xử lý sạt lở mái ta luy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vang Danh, thành phố Uông Bí	1	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424	10.424		10.424						8.000		8.000		8.000							
8	Trường Mầm non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8066426	799	071	7219	12/12/2023	14.600	14.600		14.600						6.000		6.000				6.000					
9	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000	11.000		11.000						4.968		4.968				4.968					
II	UBND các xã, phường	19						22.752	22.752		22.752	10.602					12.150		12.150				12.150					
	UBND phường Yên Thanh	I						2.800	2.800		2.800	1.300					1.500		1.500				1.500					
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	2.800		2.800	1.300					1.500		1.500	1.500			1.500					
	UBND phường Phương Nam	I						800	800		800	250					550		550				550					

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024							Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Trong đó			
										NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố						NS Tỉnh	NS Thành phố	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho BTXD	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	231		200	31				200	200	200				200			
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	1.750		900	850				900	900	900				900			
D	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH	7						13.126	13.126		13.126		4.498	4.498		6.800	6.800	6.800	6.800						
1	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8053003	799	312	4462	31/8/2023	670	670		670		298	298		300	300	300	300						
2	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	78	09/01/2023	500	500		500		400	400		100	100	100	100						
3	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	8059967	799	332	2536	17/8/2023	5.878	5.878		5.878		1.800	1.800		3.000	3.000	3.000	3.000						
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	1	8059966	799	332	3087	16/6/2023	525	525		525		200	200		300	300	300	300						
5	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nam, thành phố Uông Bí	1	8054076	799	332	3614	07/7/2023	1.107	1.107		1.107		300	300		700	700	700	700						
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	1	8054077	799	332	3587	06/7/2023	3.653	3.653		3.653		1.200	1.200		2.000	2.000	2.000	2.000						
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	8059069	799	332	5299	20/10/2023	793	793		793		300	300		400	400	400	400						

Số: 94/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 05 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về phê duyệt chủ trương đầu tư
các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 225/TTr-UBND ngày 31/5/2024 “Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình thực hiện giai đoạn 2024-2025”; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-KTXH ngày 03/6/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư 03 công trình đầu tư công vốn ngân sách thành phố với tổng mức đầu tư là 30.880 triệu đồng; cụ thể:

(1) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 5.000 triệu đồng (Chi tiết có phụ lục số 01 kèm theo);

(2) Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 20.000 triệu đồng (Chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo);

(3) Xây dựng Nhà văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 5.880 triệu đồng (Chi tiết có phụ lục số 03 kèm theo);

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật trong việc tổ chức triển khai thực hiện dự án; tuân thủ đầy đủ các quy định

của pháp luật về trình tự, thủ tục đầu tư, về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức chi phí đầu tư hiện hành; xác định cụ thể tổng mức đầu tư các dự án với nguyên tắc tiết kiệm và phù hợp với yêu cầu sử dụng thực tế, phát huy hiệu quả sử dụng lâu dài. Quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí; thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục về đất trước khi phê duyệt dự án; đảm bảo sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan đến dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; xác định thứ tự ưu tiên, phân kỳ đầu tư hợp lý phù hợp với khả năng cân đối vốn hàng năm để đảm bảo hiệu quả đầu tư, không dân trái, phát sinh nợ đọng. Dự án chỉ được bố trí vốn khi có đầy đủ các hồ sơ theo quy định. Việc bố trí vốn thực hiện các dự án theo kế hoạch bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố và kế hoạch bố trí vốn hàng năm được phê duyệt.

- Thực hiện chế độ báo cáo HĐND thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

Phụ lục 01

Chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Góp phần giải quyết các kiến nghị của cử tri và nhân dân trên địa bàn phường. Công trình sẽ khắc phục được tình trạng mặt đường gồ ghề, đáp ứng được nhu cầu giao thông thuận lợi, thông suốt. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, an toàn cho người dân khi tham gia giao thông.

2. Quy mô đầu tư

- Tuyến đường có chiều dài khoảng $L = 500\text{m}$ với điểm đầu đầu nối với đường Yên Tử, điểm cuối đầu nối với cầu Dẻ Nâu;

- Mặt đường rộng 7,5m thảm mặt đường Bê tông nhựa, sơn vạch kẻ đường và hệ thống an toàn giao thông; rãnh tam giác và viên block bó vỉa hai bên đường, đắp đất lề đất hai bên rộng $2 \times 2,0\text{m}$; Xây dựng rãnh thoát nước ngang đường, di chuyển đường ống cấp nước sinh hoạt; xây dựng cống hộp BTCT (đoạn cuối tuyến) và lắp dựng lan can thép.

3. Dự án nhóm: C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 5.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2025.

8. UBND Thành phố có trách nhiệm giao các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

Phụ lục 02

Chủ trương đầu tư dự án: Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Kết nối đồng bộ với nút giao của Dự án Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)

2. Quy mô đầu tư

- Tuyến đường có chiều dài khoảng 157m với điểm đầu tuyến là điểm cuối Đường Trần Hưng Đạo kéo dài (giai đoạn 2) và điểm cuối tuyến là điểm đầu nối với nút giao Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1);

- Quy mô cắt ngang: Bề rộng nền đường $B_{nền} = 41m$, trong đó bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 2 \times 15,5m = 31m$, bề rộng vỉa hè $= 2 \times 5 = 10m$;

- Mặt đường: Thảm bê tông nhựa rải nóng đảm bảo $E_{yc} > 140MPa$; Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn $P_{tt} = 100KN$;

- Khổ cầu, công xây dựng phù hợp với khổ nền đường, tải trọng thiết kế HL93 đối với cầu và công hộp khẩu độ lớn; tải trọng thiết kế H30-XB80 đối với công khẩu độ nhỏ; tần suất lũ thiết kế $P = 4\%$;

- Xây dựng viên vĩa, rãnh tam giác, vỉa hè, cây xanh, rãnh thoát nước và hệ thống điện chiếu sáng hệ thống an toàn giao thông đồng bộ.

3. Dự án nhóm: C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000 triệu đồng, trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khoảng 1.633 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2026.

8. UBND Thành phố có trách nhiệm giao các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

Phụ lục 03

Chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Nhà văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân trong khu khi tổ chức các sự kiện chính trị, sinh hoạt văn hóa của địa phương, đảm bảo đầy đủ cơ sở hạ tầng, thuận tiện đối với các sinh hoạt của nhân dân trong các hoạt động thiết chế văn hóa ở khu dân cư.

2. Quy mô đầu tư

- San nền toàn bộ khu quy hoạch xây mới nhà văn hóa.
- Xây dựng nhà văn hóa mới khoảng 200 chỗ ngồi với tổng diện tích khoảng 274m²;
- Xây dựng nhà vệ sinh diện tích khoảng 20m² và nhà kho với diện tích khoảng 30m²;
- Đổ sân bê tông đá 2x4, M200; Lắp đặt viên vỉa bê tông, lát gạch vỉa hè khu vực cổng nhà văn hóa;
- Xây dựng tường rào bao quanh nhà văn hóa; Làm mới cổng ra vào;
- Hệ thống PCCC, SXLD bằng tin bằng khung nhôm kính trượt, lợp mái bằng tin bằng ngói đồ..;

3. Dự án nhóm: C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 5.880 triệu đồng, trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khoảng 600 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2026.

8. UBND Thành phố có trách nhiệm giao các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 07/11/2023 của HĐND Thành phố “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 31/5/2024 “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-KTXH ngày 03/6/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. Nội dung điều chỉnh

1. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với giá trị là 43.030 triệu đồng, trong đó:

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là 43.030 triệu đồng của 20 công trình, trong đó:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là 12.471,166 triệu đồng của 18 công trình đã phê duyệt quyết toán còn thừa kế hoạch vốn, cụ thể: (1) Công trình: Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphal khu dân cư hiện trạng là 2.981,733 triệu đồng; kế hoạch vốn sau

điều chỉnh là 2.518,267 triệu đồng; (2) Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2) là 5.599,933 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 100.900,067 triệu đồng; (3) Sửa chữa Trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí là 203,541 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 4.296,459 triệu đồng; (4) Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng) là 116,642 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 3.883,358 triệu đồng; (5) Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (nâng cấp) là 454,18 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 9.248,929 triệu đồng; (6) Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí là 305,761 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 3.548,239 triệu đồng; (7) Hàm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 175,987 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 5.324,013 triệu đồng; (8) Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 513 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 987 triệu đồng; (9) Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí là 504,557 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 2.495,443 triệu đồng; (10) Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 54,371 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 2.767,629 triệu đồng; (11) Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 286,79 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 913,21 triệu đồng; (12) Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoàng Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 90,269 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 509,731 triệu đồng; (13) Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 545 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 2.415 triệu đồng; (14) Xây dựng mương thoát nước khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 175,831 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 2.430 triệu đồng; (15) Xây dựng kè chống sạt lở suối thoát nước đoạn từ cầu dân sinh tổ 5b, khu 1 đến đường công vụ vào bãi đất Hang Hùm (giai đoạn 2) là 85,716 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 2.877,587 triệu đồng; (16) Nạo vét các tuyến mương và sửa chữa cánh phai cống trên địa bàn phường Yên Thanh là 263,823 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.736,177 triệu đồng; (17) Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hường tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông là 94,032 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 2.365,968 triệu đồng; (18) Xử lý sạt lở và cải tạo khuôn viên Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 20 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 780 triệu đồng;

Căn cứ điều chỉnh: Dự án đã được phê duyệt quyết toán, nhu cầu vốn thực hiện dự án giảm so với dự toán ban đầu.

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là 29.358,834 triệu đồng của công trình Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 117.641,166 triệu đồng.

Căn cứ điều chỉnh: Dự án có thời gian thực hiện (Năm 2023-2026) trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp, do vậy điều chỉnh giảm 29.358,834 triệu đồng để bố trí sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

c) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là 1.200 triệu đồng của công trình Sửa chữa, nâng cấp các trạm bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử, thành phố Uông Bí do Hội đồng nhân dân thành phố đã quyết định huỷ bỏ chủ trương đầu tư.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là 43.030 triệu đồng và bổ sung danh mục 22 công trình, cụ thể:

2.1. Điều chỉnh tăng 30.880 triệu đồng cho 03 công trình do BQLDA đầu tư xây dựng làm Chủ đầu tư, gồm: (1) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 5.000 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 5.000 triệu đồng; (2) Đẩu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 20.000 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 20.000 triệu đồng; (3) Xây dựng Nhà văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 5.880 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí là 5.880 triệu đồng;

2.2. Điều chỉnh tăng 12.150 triệu đồng để hỗ trợ UBND các xã phường làm chủ đầu tư 19 công trình, gồm:

- Phường Yên Thanh 01 công trình (1) Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 2.800 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.500 triệu đồng;

- Phường Phương Nam 01 công trình (2) Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 800 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 550 triệu đồng; phường Trung Vương 08 công trình (3) Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 2.766 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.400 triệu đồng; (4) Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.971 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.000 triệu đồng; (5) Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 2.195 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 1.100 triệu đồng; (6) Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 561 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 300 triệu đồng; (7) Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.100 triệu đồng; kế hoạch

vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 600 triệu đồng; (8) Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.242 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 650 triệu đồng; (9) Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 1.100 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 550 triệu đồng; (10) Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương có tổng mức đầu tư là 1.127 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 600 triệu đồng;

+ *Phường Vàng Danh 09 công trình:* (11) Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 1.400 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 700 triệu đồng; (12) Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 650 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 350 triệu đồng; (13) Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 550 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 250 triệu đồng; (14) Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 900 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 450 triệu đồng; (15) Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 800 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 400 triệu đồng; (16) Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cắt đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 900 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 450 triệu đồng; (17) Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 400 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 200 triệu đồng; (18) Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 350 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 200 triệu đồng; (19) Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh có tổng mức đầu tư là 1.750 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ thực hiện là 900 triệu đồng;

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

II. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh là 1.872.056 triệu đồng, trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: **33.556 triệu đồng** phân bổ cho dự án đường tuần tra bảo vệ rừng và khu di tích đặc biệt quốc gia Yên Tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Ngân sách Tỉnh: **246.000 triệu đồng** phân bổ cho dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí (130 tỷ đồng) và Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí (116 tỷ đồng).

3. Ngân sách thành phố: **1.592.500 triệu đồng**, bao gồm: (1) Vốn bố trí dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: 425.302

triệu đồng; (2) Vốn bố trí cho chương trình, dự án thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 995.528 triệu đồng; (3) Vốn bố trí cho chương trình, nhiệm vụ khác là 171.670 triệu đồng; (4) Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn là 0 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân về tính đầy đủ, khách quan, chính xác của các thông tin, số liệu trình Hội đồng nhân dân thành phố. Quá trình triển khai, UBND thành phố tiếp tục rà soát chặt chẽ nhu cầu đầu tư theo thứ tự ưu tiên cho các công trình hoàn thành, chuyển tiếp, các dự án trọng điểm, dự án động lực có tầm ảnh hưởng lớn; xác định phân kỳ đầu tư cho phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, hạn chế tối đa tình trạng kéo dài dự án sang giai đoạn sau do không cân đối được nguồn lực; kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, lãng phí nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực và vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP GD 2021-2025 (NQ 162 ngày 07/11/2023)	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP GD 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm				Tăng	Giảm		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TÔNG CÔNG	42			417.410	10.390	310.668	43.030,000	43.030,000	310.668	
I	BQLĐ đầu tư xây dựng	17			380.259	10.390	296.879	30.880,000	41.845,598	285.914	
1	Công trình: Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphan khu dân cư hiện trạng	1	8858	30/10/2019	10.000	3.500	5.500		2.981,733	2.518,267	Đã QT
2	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2)	1	391	03/02/2021	150.000	2.500	106.500		5.599,933	100.900,067	Đã QT và tất toán
3	Sửa chữa Trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7453a	26/10/2019	9.000	4.390	4.500		203,541	4.296,459	Đã QT
4	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	35	21/10/2021	4.000		4.000		116,642	3.883,358	Đã QT và tất toán
5	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (nâng cấp)	1	35	21/10/2021	9.703		9.703		454,180	9.248,929	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
6	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	3.854		3.854		305,761	3.548,239	Đầu tư năm 2022; Đã PDQT
7	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	55	10/5/2022	5.500		5.500		175,987	5.324,013	Đầu tư năm 2022; Đã PDQT
8	Kê đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	1.500		1.500		513,000	987	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
9	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	3.000		3.000		504,557	2.495,443	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
10	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	2.822		2.822		54,371	2.767,629	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT

Phụ biểu số 01	STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP (NQ 162 ngày 07/11/2023)	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP GD 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Tăng	Giảm		
A		B	C	D	E	F	G	H	I	J	K
11		Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí		22/12/2022	1.200		1.200		286,790	913,210	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
12		Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoành Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	600	600		90,269	509,731	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
13		Sửa chữa, nâng cấp các trạm bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	1.200	1.200		1.200,000	0	Hủy bỏ CTĐT
14		Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí	1	111	11/5/2023	147.000	147.000		29.358,834	117.641,166	BS DM tại NQ 115 ngày 11/5/2023
15		Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1			5.000		5.000,000		5.000	
16		Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1			20.000		20.000,000		20.000	
17		Xây dựng Nhà Văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1			5.880		5.880,000		5.880	
II		UBND xã, phường làm Chủ đầu tư	25			37.151	13.789	12.150,000	1.184,402	24.755	
		Phường Quang Trung	3			8.529	8.529	0,000	806,547	7.723	
1		Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.960	2.960		545,000	2.415,000	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2		Xây dựng mương thoát nước khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.606	2.606		175,831	2.430,000	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3		Xây dựng kè chống sạt lở suối thoát nước đoạn từ cầu dân sinh tổ 5b, khu 1 đến đường công vụ vào bãi đất Hang Hùm (giai đoạn 2)	1	74	22/7/2022	2.963	2.963		85,716	2.877,587	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
		Phường Yên Thanh	2			4.800	2.000	1.500,000	263,823	3.236	
1		Nạo vét các tuyến mương và sửa chữa cánh phai công trên địa bàn phường Yên Thanh	1	74	22/7/2022	2.000	2.000		263,823	1.736,177	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

Phụ biểu số 01												
STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP GD 2021-2025 (NQ 162 ngày 07/11/2023)	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP GD 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm				Tăng	Giảm			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
2	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	70 Phường	17/5/2024	2.800			1.500,000		1.500	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
	Phường Phương Đông	1			2.460		2.460	0,000	94,032	2.366		
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	74	22/7/2022	2.460		2.460		94,032	2.365,968	Đầu tư năm 2022, Đã QT	
	Phường Phương Nam	1			800			550,000	0,000	550		
2	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	60 Phường	15/4/2024	800			550,000		550	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
	Phường Trung Vương	8			12.062			6.200,000	0,000	6.200		
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Công Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	2.766			1.400,000		1.400	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.971			1.000,000		1.000	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	2.195			1.100,000		1.100	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	561			300,000		300	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	76 Phường	17/5/2024	1.100			600,000		600	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Công Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.242			650,000		650	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.100			550,000		550	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	

Phụ biểu số 01	STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP (NQ 162 ngày 07/11/2023)	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP GD 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Tăng	Giảm		
A		B	C	D	E	F	G	H	I	J	K
3		Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trưng Vương	1	Số Văn bản ban hành ngày/tháng/năm 25/12/2023 Phường	1.127			600,000		600	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
		Phường Vàng Danh	10		8.500		800	3.900,000	20,000	4.680	
1		Xử lý sạt lở và cải tạo khuôn viên Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	74	800		800		20,000	780,000	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2		Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	51 Phường	1.400			700,000		700	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
3		Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	51 Phường	650			350,000		350	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
4		Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	51 Phường	550			250,000		250	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
5		Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh	1	51 Phường	900			450,000		450	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
6		Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	51 Phường	800			400,000		400	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
7		Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cút đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh	1	51 Phường	900			450,000		450	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
8		Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	51 Phường	400			200,000		200	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
9		Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	51 Phường	350			200,000		200	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
10		Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	51 Phường	1.750			900,000		900	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND thành phố Long Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
	TỔNG CỘNG	203			2.808.475	825.943	1.872.056	279.556	1.592.500	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025	38			1.453.276	825.943	458.858	33.556	425.302	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	6			74.523	47.989	21.808		21.808	
1	Mở rộng Trường tiểu học Phương Đông B	1	8823	28/10/2019	11.344	9.000	1.807		1.807	Dã QT và tất toán
2	Trường Tiểu học Quang Trung phường Quang Trung, thành phố Long Bình (mở rộng)	1	8854	30/10/2019	5.800	4.800	729		729	Dã QT và tất toán
3	Xây dựng nhà học 3 tầng trường THCS Trần Quốc Toản và Nhà rèn luyện thể chất	1	8856	30/10/2019	12.000	8.200	3.313		3.313	Dã QT và tất toán
4	Trường tiểu học Lê Hồng Phong, phường Bắc Sơn	1	6128	30/9/2020	11.931	11.872	59		59	Dã QT và tất toán
5	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng học trường TH Phương Nam A, phường Phương Nam, TP Long Bình	1	8857	30/10/2019	5.580	4.117	836		836	Dã QT và tất toán
6	Trường Mầm Non Phương Đông, phường Phương Đông, thành phố Long Bình (điểm trường Khu Tân Lập)	1	8855	30/10/2019	27.868	10.000	15.065		15.065	Dã QT và tất toán
II	Lĩnh vực Văn hóa	3			110.720	36.130	54.359	33.556	20.803	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt từ được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
						Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	1	2	3	4	6	7	8	8
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng và Khu di tích đặc biệt quốc gia Yên tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	936 Tỉnh	30/3/2016	65.000	19.800	33.556	0	Ngân sách thành phố đã bố trí 4,8 tỷ đồng GD 2016-2020; CT Đã QT và tất toán
2	Chăm sóc, bảo tồn các cây Xích Tùng cổ tại Rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2016-2020	1	4293 Tỉnh	31/10/2017	26.220	7.330	10.000	10.000	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm sự kiện Bác Hồ về thăm Uông Bí năm 1965 phường Trung Vương	1	3709	26/6/2020	19.500	9.000	10.803	10.803	Đã QT và tất toán
III	Lĩnh vực Kinh tế	23			1.039.366	511.213	342.723	342.723	
1.	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận chuyển vào Nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	1367	20/3/2018	79.600	74.753	2.993	2.993	Đã QT và tất toán
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long theo hình thức BOT (GPMB thi công cầu vượt dân sinh)	1	1459	27/3/2018	979		979	979	Đã QT và tất toán
3	GPMB hộ gia đình ông Nguyễn Văn Rục, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	94	21/01/2013	656		656	656	Đã QT và tất toán
4	Tuyến đường đoạn từ ngã 3 Trần Phú đến nhà thi đấu thể thao người cao tuổi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	1524	03/4/2019	1.199	1.097	102	102	Đã QT và tất toán
5	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường vào Yên Tử	1	3302	21/6/2021	7.376	4.191	3.185	3.185	Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
6	Hạng mục: Đường dạo, cây xanh, đèn trang trí, tiểu cảnh xung quanh hồ công viên và cầu cảnh quan qua hồ công viên (đoạn từ đường Trần Phú đến biểu tượng thành phố)	1	8862	30/10/2019	5.500	4.000	554		554	Đã QT và tất toán
7	Xây dựng tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	6978	30/10/2018	3.435	1.603	1.576		1.576	Đã QT và tất toán
8	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch	1	7018	31/10/2018	250.000	140.321	80.497		80.497	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7042	31/10/2018	172.014	154.578	17.436		17.436	Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 100 tỷ đồng
10	Công trình: Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphal khu dân cư hiện trạng	1	8858	30/10/2019	10.000	3.500	2.518		2.518	Đã QT
11	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2)	1	391	03/02/2021	150.000	2.500	100.900		100.900	Đã QT và tất toán
12	Đầu tư xây dựng tiếp Dã đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư tại phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8860	30/10/2019	3.750	2.600	1.000		1.000	Đã QT và tất toán
13	Đường GT liên phường Trung Vương - Bắc Sơn, đoạn từ đập tràn nhà máy điện Uông Bí đến khu 12 khe (Đoạn từ cầu Hai Thanh đến đập tràn liên hợp (đập nhà ông Phi) khu 12 khe)	1	4963; 202	26/10/2012; 16/01/2020	18.000	10.932	6.237		6.237	Đã QT và tất toán
	Hạ tầng phát triển quỹ đất	10			336.857	111.139	124.088		124.088	

STT	Danh mục dự án	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số lượng công trình	Số văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng quy hoạch cấp đất ở dân cư khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	3096	22/5/2020	5.955	4.784	184		184	Đã QT và tất toán
2	XD CSHT khu quy hoạch cấp đất dân cư tại tổ 2 khu 9 phường Thanh Sơn Thành phố Uông Bí	1	5941	21/9/2020	7.569	6.600	579		579	Đã QT và tất toán
3	Hạ tầng kỹ thuật cấp đất dân cư khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8005a	10/12/2020	5.291	2.684	1.470		1.470	Đã QT và tất toán
4	Khu dân cư đôi Hang Hùm phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7031	31/10/2018	6.215	4.000	1.479		1.479	Đã QT và tất toán
5	Quy hoạch khu dân cư tổ 30 khu 8 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7036	31/10/2018	26.000	12.307	13.000		13.000	
6	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	746; 1095	24/7/2019; 22/12/2020	145.000	38.000	54.806		54.806	
7	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8828	29/10/2019	19.094	6.800	12.294		12.294	
8	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8826	29/10/2019	31.276		31.276		31.276	
9	Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8822	28/10/2019	6.270	2.600	3.670		3.670	
10	Khu Tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sến tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	6918	24/11/2017	84.187	33.364	5.330		5.330	
IV	Lĩnh vực Bảo vệ Môi trường	2			101.106	185.265	9.676		9.676	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bỏ trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
1	Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu Di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	1	61T	10/01/2011	86.606	80.304	6.692		6.692	Đã QT và tất toán
2	Xây dựng cầu Miếu Bông thuộc dự án Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	1	8881	30/10/2019	14.500	104.961	2.984		2.984	Đã QT và tất toán
IV	Lĩnh vực quản lý nhà nước	3			58.184	34.329	22.516		22.516	
1	Sửa chữa Trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7453a	26/10/2019	9.000	4.390	4.296		4.296	
2	Xây dựng trụ sở mới phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8864	30/10/2019	34.348	16.939	16.119		16.119	Đã QT và tất toán
3	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan Thành ủy thành phố Uông Bí	1	7921	28/10/2019	14.836	13.000	2.100		2.100	Đã QT HM CT
V	Lĩnh vực quốc phòng, an ninh	1			69.377	11.016	7.776		7.776	
1	Hỗ trợ đầu tư Căn cứ chiến đấu thành phố Uông Bí	1	6216	30/10/2017	69.377	11.016	7.776		7.776	
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	157			1.322.267		1.241.528	246.000	995.528	
B.1	DỰ ÁN THÀNH PHỐ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	70			1.215.633		1.162.729	246.000	916.729	
I	Lĩnh vực Quốc phòng - An Ninh	1			10.000		9.236		9.236	
1	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công	1	35	21/10/2021	10.000		9.236		9.236	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
II	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	7			172.448		168.682	116.000	52.682	

Phụ biểu số 02

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm				Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	8
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	35	21/10/2021	4.000			3.883		3.883	Đầu tư năm 2022
2	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (nâng cấp)	1	35	21/10/2021	9.703			9.249		9.249	Đầu tư năm 2022; 'Đã QT và tất toán
3	Trường tiểu học Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	35	21/10/2021	5.945			5.895		5.895	Đầu tư năm 2022; 'Đã QT và tất toán
4	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí	1	74; 112	22/7/2022; 11/5/2023	120.000			116.855	116.000	855	NS Tỉnh hỗ trợ 116 tỷ đồng
5	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	159	07/11/2023	10.100			10.100		10.100	
6	Trường mầm non Phương Nam phường Phương Nam (điểm trường chính), thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	14.600			14.600		14.600	
7	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	8.100			8.100		8.100	
III	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình	2			5.303	0		5.021		5.021	
1	Lắp dựng chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại Cầu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	4529a	22/8/2021	3.294			3.132		3.132	Đã QT và tất toán
2	Sửa chữa, cải tạo nhà chung cư 9 tầng thuộc Nhà máy Chế tạo thiết bị nâng hạ - Công ty cổ phần tập đoàn công nghiệp Quang Trung làm điểm thu dung, cách ly điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn thành phố	1	761	10/02/2022	2.009			1.889		1.889	Đã QT và tất toán
IV	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin	3			8.485			7.961		7.961	
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	14	23/7/2021	3.785			3.496		3.496	Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt từ dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
2	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Uông Bí từng dùng công nghệ thông tin - viễn thông	1	1088	22/12/2020	1.700		1.465		1.465	Đã QT và tất toán
3	Nhà văn hóa khu 2 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	3.000		3.000		3.000	
V	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	50			839.103		821.161	130.000	691.161	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Tân lập, phường Phường Đông đến đầu tuyến đường vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	1097	22/12/2020	9.500		8.489		8.489	Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp, cải tạo đập tràn nối phường Quang Trung với phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	70	31/3/2021	8.000		7.264		7.264	Đã QT và tất toán
3	Chỉnh trang tuyến đường Trần Phú đoạn từ Quảng trường 25.2 đến nút giao ngã tư Trần Phú - Lũng Xanh phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	77	31/3/2021	21.500		21.500		21.500	Đầu tư năm 2021
4	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	72; 81	31/3/2021; 14/11/2022	289.758		289.758	130.000	159.758	Đầu tư năm 2022; BS KH vốn tại NQ 86 ngày 14/11/2022
5	Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu B1 Trung 1, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	6.303		6.229		6.229	Đầu tư năm 2022; Đã PDQT
6	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2	1	45	21/12/2021	25.000		25.000		25.000	Đầu tư năm 2022
7	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	3.854		3.548		3.548	Đầu tư năm 2022; Đã PDQT

STT	Đanh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm				Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8	
8	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	55	10/5/2022	5.500		5.324			5.324 PDQT	Đầu tư năm 2022; Đã PDQT
9	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	55	10/5/2022	15.000		15.000			15.000	Đầu tư năm 2022
10	Khắc phục sạt lở bờ sông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cổng 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	85	14/11/2022	4.500		1.500			1.500	BS DM tại NQ 86 ngày 14/11/2022
11	Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	1.500		987			987	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
12	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	3.000		2.495			2.495	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
13	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	9.000		9.000			9.000	
14	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	2.822		2.768			2.768	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
15	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	1.200		913			913	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
16	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí - Hoành Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	600		510			510	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
17	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	60.000		60.000			60.000	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1		3	4	6	7	8	8
18	Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Doãn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	65.000		65.000		65.000	
19	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN)	1	101	22/12/2022	25.000		25.000		25.000	
20	Xử lý sạt lở mái ta luy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	10.424		10.424		10.424	
21	Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	5.000		5.000		5.000	
22	Chính trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	1.200		1.200		1.200	
23	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	7.800		7.800		7.800	
24	Chính trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Uông Bí	1	56; 810	10/5/2022; 10/3/2023	49.767		49.767		49.767	QB phê duyệt dự án
25	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8 phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	10.850		10.850		10.850	
26	Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1	129	21/7/2023	13.000		13.000		13.000	
27	Chính trang đường Phú Thanh Tây đoạn từ Quốc lộ 18 đến Nhà văn hóa khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	14.650		14.650		14.650	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
						Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	7	8	8
28	Chỉnh trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến quốc lộ 18, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	9.600	9.600		9.600	
29	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu	1	129	21/7/2023	13.500	13.500		13.500	
30	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	14.940	14.940		14.940	
31	Phục hồi rừng và cải tạo cảnh quan dọc hai bên tuyến đường Yên Tử đoạn từ dốc Chân Trục vào dốc Quảng Hải	1	129	21/7/2023	15.000	15.000		15.000	
32	Hệ thống bán, soát vé điện tử phí tham quan Danh lam thắng cảnh khu Di tích Yên Tử	1	129	21/7/2023	850	850		850	
33	Sửa chữa, nâng cấp đường ranh giới, tuần tra bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử (thuộc phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý Di tích và Rừng Quốc gia Yên Tử)	1	129	21/7/2023	3.000	3.000		3.000	
34	Mương thoát nước khu 5A, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	4.700	2.700		2.700	
35	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	1.350	1.350		1.350	
36	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Nam Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	1	129	21/7/2023	350	350		350	
37	Tuyến đường nội đồng Một Mẫu, thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	1	129	21/7/2023	660	660		660	
38	Tuyến mương cửa ông Mai, thôn Khe Sứ 2, xã Thượng Yên Công	1	129	21/7/2023	420	420		420	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Yân bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Yân bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
39	Tuyến đường nội đồng của ông Bầu, thôn Nam Mẫu 1, xã Thường Yên Công	1	129	21/7/2023	1.140		1.140		1.140	
40	Sửa chữa kè suối Vàng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khê Mai, phường Vàng Danh	1	158	07/11/2023	920		920		920	
41	Chỉnh trang đô thị tại khu vực đối Dinh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	158	07/11/2023	4.000		4.000		4.000	
42	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	158	07/11/2023	13.500		13.500		13.500	
43	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dè Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1			5.000		5.000		5.000	
44	Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1			20.000		20.000		20.000	
45	Xây dựng Nhà Văn hóa Khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1			5.880		5.880		5.880	
	Cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất	5			54.564		45.374		45.374	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm vỉa hè, rãnh thoát nước thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tự xây xen cư khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	1048	21/11/2020	4.000		3.845		3.845	Đã QT và tái toán
2	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại khu Tân lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	1047	21/11/2020	23.500		23.500		23.500	Đầu tư năm 2021

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C			3	4	6	7	8	8
3	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen cư tại khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	74	31/3/2021	3.500		2.725		2.725	Đã QT và tất toán
4	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	13.564		13.564		13.564	Đầu tư năm 2022
5	Quy hoạch cơ sở hạ tầng thôn 3 xã Diên Công (nay là Khu Đền Công 3, phường Trung Vương)	1	8973a	31/10/2019	10.000		1.740		1.740	CT đã chi 1.739,932trđ
VI	Lĩnh vực quản lý nhà nước	5			167.694		138.068		138.068	
1	Sửa chữa nhà làm việc khối mặt trận tổ quốc và các đoàn thể	1	1090	22/12/2020	2.000		1.926		1.926	Đầu tư năm 2021; Đã QT và tất toán
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của Trung tâm tổ chức hội nghị Thành phố	1	73	31/3/2021	1.894		1.767		1.767	Đầu tư năm 2021; Đã QT và tất toán
3	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí	1	111	11/5/2023	147.000		117.641		117.641	
4	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	113	11/5/2023	14.500		14.500		14.500	
5	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở trung tâm chính trị thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.300		2.234		2.234	Đầu tư năm 2021; Đã QT và tất toán
VII	Lĩnh vực Bảo đảm xã hội	2			12.600		12.600		12.600	
1	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	1.600		1.600		1.600	Đầu tư năm 2022
2	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	11.000		11.000		11.000	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bỏ trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8	
B.2	DỰ ÁN DO UBND XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	87			106.634		78.798		78.798		
I	Phường Quang Trung	8			16.494	0	13.658		13.658		
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.960		2.415		2.415		Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Xây dựng đường thoát nước khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.606		2.430		2.430		Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Mương thoát nước đoạn từ nhà ông Mộc ra ngã 3 Hồ Công Viên, phường Quang Trung (giai đoạn 1)	1	35	21/10/2021	1.210		936		936		Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Xây dựng hệ chống sét lờ suối thoát nước đoạn từ cầu dân sinh tổ 5b, khu 1 đến đường công vụ vào bãi đất Hang Hùm (giai đoạn 2)	1	74	22/7/2022	2.963		2.878		2.878		Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
5	Kè mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.038		985		985		Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
6	Cải tạo đoạn đầu tuyến đường liên khu 3-4-5 (tuyến đường tổ 11a, khu 3) phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	96	27/6/2023	1.198		840		840		Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
7	Đường vào xóm Mất Ròng thuộc tổ 17b, khu 5A phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	95	23/6/2023	961		675		675		Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
8	Chỉnh trang cải tạo khuôn viên vỉa hè khu quy hoạch tái định cư Nhà máy điện thuộc khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	97	27/6/2023	3.558		2.500		2.500		Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
II	Phường Thanh Sơn	8			8.050		5.263		5.263		
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	2.000		1.108		1.108		Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt từ chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
2	Đường bê tông ngõ 50, phố Lý Thường Kiệt phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	450		200		200	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Rãnh thoát nước + Mái chống nóng nhà văn hóa khu 4, phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	458		200		200	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Nâng cấp, mở rộng đường vào nhà Văn hóa khu 7 phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	610		250		250	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến rãnh thoát nước tổ 3 khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	592		560		560	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
6	Nâng cấp cải tạo tuyến mương thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn	1	74	22/7/2022	672		645		645	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
7	Đường + Rãnh thoát nước Tổ 9, khu 6 (Đoạn từ phố Hữu Nghị đến Chùa Lu) phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	125 Phường	05/5/2023	1.284		900		900	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
8	Mở rộng đường giao thông tổ 5, 6 khu 7 (xóm Mả Lin từ nhà bà Bốn đến nhà ông Thọ), phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	133 Phường	15/5/2023	1.985		1.400		1.400	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
III	Phường Yên Thanh	7			10.193		5.827		5.827	
1	Xây dựng rãnh thoát nước từ đường Trần Hưng Đạo (Văn phòng HTX Vận tải Đức Phúc) đến cống Sông Sinh, khu I phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	500		248		248	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp đường bê tông, xây dựng rãnh thoát nước tổ 17, khu Bí Giảng, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (Đoạn từ nhà ông Bùi Xuân Quyền đầu nối và dự án Tân Thành)	1	35	21/10/2021	1.100		832		832	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 17-18 khu Bí Giảng (đoạn từ nhà ông Phạm Văn Nghĩa đến nhà ông Trần Đình Hùng) phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	700		488		488	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	đầu tư Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1		3	4	6	7	8	8
4	Xây dựng rãnh thoát nước tổ 15 khu Lạc Thanh phường Yên Thanh	1	35	21/10/2021	500		323		323 và tái toán	Đầu tư năm 2022; Đã QT
5	Nhà văn hóa khu 1 phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	154 Phường	07/9/2022	2.593		700		700	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
6	Nạo vét các tuyến mương và sửa chữa cánh phai công trên địa bàn phường Yên Thanh	1	74	22/7/2022	2.000		1.736		1.736	
7	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	70 Phường	17/5/2024	2.800		1.500		1.500	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
IV	Phường Phương Đông	5			10.813		9.226		9.226	
1	Tuyến mương từ nhà bà Đỗ Thị Nga đến khu đồng Dương Chè, khu Bí Thuận, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	2.056		1.947		1.947	Đầu tư năm 2022; Đã QT
2	Xây dựng tuyến mương từ tổ 2 đến tổ 3, khu Đồng Minh, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	1.944		1.854		1.854	Đầu tư năm 2022; Đã QT
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Thiế đến công ty Cổ phần Lê Hoàng Long thuộc khu Tân Lập và khu Tân Lập 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	195 Phường	22/6/2023	2.878		2.020		2.020	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
4	Tuyến đường từ QL18A đến trạm điện, tổ 5, khu Đồng Minh, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	194 Phường	22/6/2023	1.476		1.040		1.040	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hướng tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	74	22/7/2022	2.460		2.366		2.366	Đầu tư năm 2022; Đã QT
V	Phường Phương Nam	5			6.910		6.138		6.138	
1	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành phường Phương Nam	1	45	21/12/2021	3.688		3.688		3.688	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt từ chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1		3	4	6	7	8	8
2	Đường giao thông khu Hồng Hà (đoạn từ trục đường chính đến nhà văn hóa khu Hồng Hà), phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	211 Phường	24/6/2023	738		520			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
3	Đường giao thông đoạn từ chợ cổng đến nhà văn hóa khu Hiệp Thái, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	212 Phường	24/6/2023	934		660			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
4	Sửa chữa, thay thế thiết bị các cống điều tiết nước trên địa bàn phường Phương Nam	1	74	22/7/2022	750		720			Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
5	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	60 Phường	15/4/2024	800		550			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
VI	Phường Trung Vương	19			19,909		12.604			12.604
1	Đường nội đồng đoạn từ Lỗ Lãi đến đầu ruộng nhà ông Thẩm thôn 2 (nay là khu Đền Công 2, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	950		932			Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 13, khu 2, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	700		652			Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến nhà ông Đại khu Đền Công 2	1	35	21/10/2021	490		445			Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Lắp điện chiếu sáng, điện sinh hoạt đoạn từ cổng trào lên nhà văn hóa khu 4, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	550		519			Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	500		467			Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
6	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 35, khu 6 đoạn từ nhà văn hoá khu 6 đến vườn nhà bà Tâm phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	124 Phường	30/5/2023	1.176		830			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
7	Xây dựng rãnh thoát nước đoạn giáp NVH khu 2 phường Trung Vương	1	129 Phường	19/6/2023	786		560			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
8	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 5 khu 1 phường Trung Vương	1	126 Phường	30/5/2023	806		610			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán
9	Đường bê tông, vườn hoa khu vực giáp trạm bơm nước và trường mầm non Diên Công, phường Trung Vương	1	123 Phường	30/5/2023	467		330			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán
10	Cải tạo, chỉnh trang tuyến điện chiếu sáng tổ 24, tổ 26, khu 4 và đoạn từ phố Đồng Mương đến bờ sông Uông Bí thuộc tổ 7, khu 1, phường Trung Vương	1	193 Phường	12/9/2023	829		500			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán
11	Sửa chữa trạm bơm và các công trình tiết nước, một số đoạn mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Diên Công 1, Diên Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	592		559			Đầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
12	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Công Baza khu Diên Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	2.766		1.400			Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
13	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.971		1.000			1.000
14	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Diên Công khu Diên Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	2.195		1.100			1.100
15	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	561		300			300
16	Sửa chữa Trụ sở UBND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	76 Phường	17/5/2024	1.100		600			600
17	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Diên Công 2 đến Công Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.242		650			650

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt từ chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
						Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	7	8	8
18	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.100	550		550	
19	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương	1	67 Phường	25/12/2023	1.127	600		600	
VII	Phường Nam Khê	4			2.987	2.019		2.019	
1	Cầu bê tông giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	850	490		490	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông tổ 6 đoạn phía sau NVH khu Tre Mai	1	35	21/10/2021	850	500		500	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	87 Phường	23/6/2023	750	525		525	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
4	Xử lý sụt lún đường giao thông giữa làng khu Chạp Khê sau mưa bão (đoạn từ cổng nhà thờ Chạp Khê đến nhà ông Mến)	1	74	22/7/2022	537	504		504	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
VIII	Phường Bắc Sơn	4			4.016	3.504	0	3.504	
1	Rãnh thoát nước khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	2.500	2.388		2.388	Đầu tư năm 2022; Đã QT
2	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Bắc Sơn	1	48 Phường	24/4/2023	306	230		230	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
3	Cải tạo, sửa chữa nhà ăn, nhà vệ sinh trụ sở UBND phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	48 Phường	24/4/2023	610	400		400	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
4	Nạo vét Đập Rừng Thông khu 4, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	600		486		486	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
IX	Phường Vàng Danh	20			20.015		14.275		14.275	
1	Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	2.947		2.691		2.691	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
2	Kè chống sạt lở tổ 5, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	961		807		807	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
3	Cải tạo, nâng cấp cầu dân sinh tổ 7, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	866		674		674	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
4	Xử lý xút lún và cải tạo đường dân sinh tổ 5, khu 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	220		201		201	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
5	Quy hoạch cấp đất xen cư phía Đông cầu Miếu Thán 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; Hàng mục: Đường điện, cấp nước sinh hoạt, vỉa hè, vườn hoa, sân thể chất	1	55	10/5/2022	1.145		1.130		1.130	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
6	Cải tạo, nâng cấp Đập tràn Miếu Thán, phường Vàng Danh	1	74	22/7/2022	2.000		1.849		1.849	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
7	Vỉa hè, rãnh thoát nước trường THCS Nguyễn Văn Cừ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	208	16/5/2023	913		560		560	
8	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	193	26/4/2023	590		371		371	
9	Lắp đặt cột điện chiếu sáng tuyến đường giáp bờ kè phía đông suối Vàng Danh đoạn từ cầu Treo (cũ) đến cầu Miếu Thán, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	238	20/6/2023	703		490		490	
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi thôn Miếu Thán, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	209	16/5/2023	1.170		820		820	
11	Xử lý sạt lở và cải tạo khuôn viên Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	800		780		780	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt từ được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	đàn to			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	4	6	7	8	8
12	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		1.400		700		700	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
13	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		650		350		350	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
14	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		550		250		250	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
15	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		900		450		450	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
16	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		800		400		400	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
17	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cắt đến cầu Lán Thấp, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		900		450		450	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
18	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		400		200		200	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
19	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		350		200		200	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
20	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023		1.750		900		900	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
X	Xã Thượng Yên Công	7				7.247		6.284		6.284	
1	Đường vào xóm ông Nghè thôn Quan Diên - Khe Thần, xã TYC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021		308		293		293	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Tuyến đường xóm ông Hòa thôn Năm Mẫu 1, xã TYC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021		466		446		446	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Đường giao thông nội đồng tuyến gốc Quéo, thôn Khe Sủ 1, xã Thượng Yên Công, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021		862		829		829	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Yân bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/ tháng/ năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
4	Tuyến đường nội đồng sang khu cánh đồng xóm ông Hồng thôn Đồng Chanh	1	35	21/10/2021	1.944		1.842		1.842	Đầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
5	Tuyến đường cánh đồng cận thôn Khe Sủ 2 xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	26 Phường	10/5/2023	906		640		640	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên thôn Tập Đoàn - Đồng Chanh bị hư hỏng do mưa lũ; Hàng mục: Đoạn từ cánh phai đến cánh đồng thôn Đồng Chanh	1	28 Phường	02/6/2023	1.360		960		960	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
7	Tuyến đường Đồng Giảng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.400		1.275		1.275	Đầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
C	CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC	8			32.931	0	171.670		171.670	
C.1	Hỗ trợ xã Thượng Yên Công thực hiện chương trình nông thôn mới						3.000		3.000	Phụ biểu số 03
C.2	Hỗ trợ các xã phường thanh toán các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020 chuyển sang				65.000				65.000	Phụ biểu số 04
C.3	Vốn bố trí thanh toán cho dự án Quyết toán hoàn thành, chương trình nhiệm vụ khác						0		0	
C.4	Hoàn trả tiền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng dự án khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí				69.377				69.377	
C.5	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng nhà công vụ tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí						700		700	
C.6	Hoàn trả kinh phí GPMB của Tiểu dự án Phả Lại - Hạ Long				17.993		16.629		16.629	
C.7	Vốn chuẩn bị đầu tư, thực hiện nhiệm vụ quy hoạch	8			14.938	0	16.964		16.964	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	8
a	Kế hoạch đã phân bổ	8			14.938	0	14.938		14.938	
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Tiểu khu E1, E3 khu đô thị hiện hữu phường Phương Đông thuộc khu đô thị Tây thành phố (phần khu E) thành phố Uông Bí	1	6493	12/8/2019	361		361		361	
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Vàng Danh thành phố Uông Bí (khu B.1, phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	6666	22/8/2019	1.530		1.530		1.530	
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Bắc Sơn (phần khu J), thành phố Uông Bí	1	6134	25/7/2019	1.109		1.109		1.109	
4	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	2536	17/8/2023	5.878		5.878		5.878	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	1	3087	16/6/2023	500		500		500	
6	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nam, thành phố Uông Bí	1	3614	07/7/2023	1.107		1.107		1.107	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn thành phố Uông Bí (đoạn từ Km 74+100 đến Km 87)	1	3587	06/7/2023	3.653		3.653		3.653	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	5299	20/10/2023	800		800		800	
b	Kế hoạch chưa phân bổ						2.026		2.026	
D	DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN									

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua nội dung Chương trình phát triển đô thị
thành phố Uông Bí đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 19/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội V/v sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Uông Bí đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Uông Bí;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 331/TTr-UBND ngày 31/5/2024 "Về việc thông qua nội dung Chương trình phát triển đô thị thành phố Uông Bí đến năm 2030"; Báo cáo thẩm tra số 84/BC-KTXH ngày 03/6/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành các nội dung của Chương trình phát triển đô thị thành phố Uông Bí đến năm 2030.

(Có Chương trình phát triển đô thị thành phố Uông Bí đến năm 2030 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục tiếp thu ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND Tỉnh, Sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan để hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Uông Bí đến năm 2030; chỉ đạo tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng nội dung quy định của pháp luật.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Chiến Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Nghị Quyết số 96/NQ-HĐND ngày 05/6/2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí)*

Uông Bí, năm 2024

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

- Đánh giá thực trạng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng đô thị từ đó đề xuất các giải pháp để đưa thành phố trở thành đô thị loại I;
- Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch chung theo Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn thành phố;
- Cụ thể hóa định hướng xây dựng thành phố Uông Bí thành đô thị di sản, góp phần giữ gìn, phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa vùng lõi di sản thế giới cụ thể là Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm – Côn Sơn, Kiếp Bạc; phát huy giá trị của đô thị di sản, thu hút nguồn vốn ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng, kết hợp chặt chẽ với các nguồn lực tài nguyên tự nhiên, tài nguyên đất đai, tài nguyên du lịch góp phần thúc đẩy thành phố phát triển toàn diện, vững chắc nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng;
- Phối hợp lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang triển khai của các ngành trên địa bàn tỉnh và thành phố nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để phát triển đô thị theo quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Xác định các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, dự án nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển đô thị của từng giai đoạn theo quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Chỉ tiêu phát triển đô thị

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị thành phố Uông Bí

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Đến 2025	Đến 2030
I	Chỉ tiêu chung về đô thị			
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	95,41	100
II	Chỉ tiêu			
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/ km ²	>950	>1.100
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	Người/ km ²	>8.500	>10.000
3	Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	%	>6	>10
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thị	m ² / người	>30	32
5	Tỷ lệ nhà kiên cố	%	100	100
6	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	%	5	10

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Đến 2025	Đến 2030
7	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng.	%	30	40
8	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch	%	98	100
9	Tiêu chuẩn cấp nước	(l/ng.ng)	160	>160
10	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật khu vực nội thị	%	10	20
11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	100	100
12	Tỷ lệ chiếu sáng đường chính	%	100	100
13	Tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm	%	95	100
14	Diện tích cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m ² /ng	>16	>16
15	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	m ² /ng	>6	>8
16	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	90	100

2. Các chỉ tiêu khắc phục các tiêu chuẩn so với tiêu chuẩn phân loại đô thị loại

a. Các chỉ tiêu khắc phục các tiêu chuẩn so với đô thị loại II

Đối với 43 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa, 11 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu hoặc trên điểm tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa so với quy định của đô thị loại II tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210 /2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị; tiếp tục củng cố, theo dõi và duy trì phát triển các chỉ tiêu.

Bảng 2: Lộ trình khắc phục, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối thiểu yêu cầu của đô thị loại II

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định của đô thị loại II	Hiện trạng năm 2023	Nhu cầu cần tăng thêm
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,80 1,40	1,01	0,59
2	Mật độ dân số toàn đô thị*	người/km ²	≥ 2.000 1.800	952	848
3	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	≥ 22 15	2,9	12,1
4	Mật độ đường giao thông đô thị	Km/km ²	≥ 8 6	3,9	2,1
5	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 40 20	0	20
6	Nhà tang lễ	Cơ sở	≥ 4 2	1	1
7	Đất cây xanh sử dụng công	M2/người	≥ 6	0,91	4,09

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định của đô thị loại II	Hiện trạng năm 2023	Nhu cầu cần tăng thêm
	cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người		5		
8	Công trình xanh	Công trình	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0	1
9	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	≥ 6 4	0	4

b. Các chỉ tiêu khắc phục các tiêu chuẩn so với đô thị loại I

Đối với nhóm tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu và trên điểm tối thiểu nhưng chưa đạt tối đa gồm 15/63 tiêu chuẩn, đối chiếu với quy định của đô thị loại I tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về phân loại đô thị, chi tiết đề xuất lộ trình nâng cao chất lượng, khắc phục các tiêu chuẩn như sau:

Bảng 3: Lộ trình khắc phục, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu và trên điểm tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa yêu cầu của đô thị loại I

TT	Tiêu chuẩn	NQ 26/2022/UBTVQH15 (Quy định tối đa - tối thiểu)	Hiện trạng năm 2023	Đề xuất đến năm 2025	Đề xuất đến năm 2030
1	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (%)	Tăng vượt 4%- Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng theo mục tiêu đề ra
2	Dân số khu vực nội thành, nội thị (nghìn người)	$\geq 500 - 200$	207,184	>200	250
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị (%)	$\geq 90-85$	85,79	86	90
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ² /người)	$\geq 32 - 28$	30,05	>30,05	>30,05
5	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	$\geq 5 - 4$	4,01	>4,01	>4,01
6	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	$\geq 130-120$	128	>128	>128

Chương trình phát triển đô thị thành phố Uông Bí đến năm 2030

TT	Tiêu chuẩn	NQ 26/2022/UBTVQH15 (Quy định tối đa - tối thiểu)	Hiện trạng năm 2023	Đề xuất đến năm 2025	Đề xuất đến năm 2030
7	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	100 - 85	85,22	$\geq 85,22$	$\geq 85,22$
8	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	$\geq 10 - 7$	8	9	10
9	Công trình đầu mối giao thông	Quốc tế - quốc gia	Quốc gia	Quốc gia	Quốc gia
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	100 - 95	96,2	97	100
11	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	100 - 75	93,86	94	95
12	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	$\geq 15-10$	13,37	$\geq 13,37$	$\geq 13,37$
13	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	100 - 75	75	100	100
14	Vị trí, chức năng, vai trò của đô thị (điểm)	5 – 3,75	3,75	3,75	3,75
15	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn**	$\geq 12.000-10.000$	8.331	≥ 8.500	≥ 10.000

Đối với nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối thiểu gồm 14/63 tiêu chuẩn, đối chiếu với quy định của đô thị loại I tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về phân loại đô thị, chi tiết đề xuất lộ trình nâng cao chất lượng, khắc phục các tiêu chuẩn như sau:

Bảng 4: Lộ trình khắc phục, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối thiểu yêu cầu của đô thị loại I

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng	Nhu cầu tăng thêm	Quy định		Nhu cầu đầu tư
					Tối đa	Tối thiểu	
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	m ² /người	40,42	114,62	60	45	Cần tăng thêm tối thiểu 4,58m ² /người. Tương đương đến năm 2030 cần tăng

Chương trình phát triển đô thị thành phố Uông Bí đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng	Nhu cầu tăng thêm	Quy định		Nhu cầu đầu tư
					Tối đa	Tối thiểu	
							thêm 114,62ha đất dân dụng để đạt điểm tối thiểu.
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	Công trình	10,00	10,00	≥ 50	20	Nhu cầu tăng thêm 10 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị.
3	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	2,93	410,01	≥ 24	16	Đến năm 2030, dự báo đất xây dựng đô thị đạt 3003,371 ha. Như vậy để tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt 16% thì cần tăng thêm khoảng 200ha đất giao thông (đường có bề rộng phần xe chạy từ 14m trở lên khoảng 100-110ha)
4	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km2	3,89	146,67	≥ 10	8	Đến năm 2030, dự báo đất xây dựng đô thị đạt 30,03km2. Chiều dài đường giao thông cần tăng thêm 120km (tính đến đường có bề rộng phần xe chạy từ 14m trở lên).
5	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m2/người	7,02	149,45	≥ 15	13	Đến năm 2030, dự báo cần tăng thêm 149,45ha đất giao thông để đạt mức 13 m2 đất giao thông/người dân. Dự báo dân số đến năm 2030 đạt 250.000 người.
6	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	%	0,00	30,00	≥ 50	30	Nhu cầu đầu tư cần tăng thêm 1 nhà máy xử lý nước thải cấp đô thị, bán kính phục vụ trên phạm vi toàn thành phố
7	Nhà tang lễ	Công trình	1,00	1,00	≥ 4	2	Nhu cầu đầu tư cần tăng thêm ít nhất 01 nhà tang lễ
8	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân	m2/người	0,91	102,22	≥ 6	5	Nhu cầu đầu tư cần tăng thêm đến năm 2030 là 102,22ha đất cây xanh sử

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng	Nhu cầu tăng thêm	Quy định		Nhu cầu đầu tư
					Tối đa	Tối thiểu	
	đầu người						dụng công cộng (công viên, vườn hoa) nhằm đạt 5 m ² đất xây xanh/người dân. Dự báo dân số đến năm 2030 đạt 250.000 người.
9	Công trình xanh	Công trình	0,00	1,00	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	Cần ít nhất 1 công trình được cấp giấy chứng nhận công trình xanh
10	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	0,00	4,00	≥ 6	4	Cần đầu tư xây dựng ít nhất 4 khu chức năng đô thị, khu đô thị mới theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh
11	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn**	Người/km ²	8.331	1.669	≥ 12.000	10.000	
12	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,01	0,59	≥ 2,0	1,60	
13	Dân số toàn đô thị	Nghìn người	250	250	≥ 1.000	500	
14	Mật độ dân số toàn đô thị*	Người/km ²	952	1.047	≥ 3.000	2.000	

c. Các chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh

Căn cứ thông tư 01/2018/TT-BXD ngày 05/01/2018 của Bộ Xây dựng quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, đề xuất một số chỉ tiêu sau:

Bảng 5: Các chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hiện trạng năm 2023	Năm 2025	Năm 2030
1	Tỷ lệ đầu tư dự án mới thực hiện xây dựng đô thị tăng trưởng xanh (%)	0	2	> 5
2	Tỷ lệ công trình nghiệm thu được cấp chứng chỉ công trình xanh	0	0	2

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hiện trạng năm 2023	Năm 2025	Năm 2030
3	Tỷ lệ đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng (%)	0	0	30
4	Tỷ lệ đường giao thông dành riêng cho xe đạp (%)	0	0	> 5
5	Quy hoạch chung đô thị được lồng ghép với các mục tiêu tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu	Có		
6	Chiến lược, kế hoạch hành động, chính sách cụ thể được ban hành hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu	Triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2050		
7	Các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu	Xây dựng chương trình đối với từng xã phường, tổ chức triển khai tới từng tổ, thôn		

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THU HÚT VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Về cơ chế chính sách: Triển khai các giải pháp tạo nguồn thu, chỉ đạo tăng thu ngân sách đảm bảo vượt chỉ tiêu để tăng chi đầu tư phát triển, tiết kiệm chi trong đầu tư, tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ kinh tế của thành phố. tạo nguồn vốn từ quỹ đất bằng cách thực hiện tốt công tác quy hoạch xây dựng các khu dân cư có giá trị thương mại cao để đầu giá quyền sử dụng đất, kêu gọi nhà đầu tư để tạo động lực và nguồn vốn đầu tư phát triển. Đề xuất tỉnh thực hiện phân cấp thêm nguồn lực để bổ sung cho thành phố nhằm chủ động trong việc cân đối thu chi ngân sách.

3.2. Về phát triển kinh tế - xã hội: Tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để đề nghị sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh; thực hiện việc đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước để tiếp tục thu hút vốn đầu tư.

3.3. Về đào tạo, quản lý nhân lực: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, khai thác và phát huy các lợi thế và nguồn lực mới được hình thành từ cách mạng 4.0, các tiến bộ khoa học kỹ thuật khác.

3.4. Về tạo động lực phát triển đô thị: Động lực chính thúc đẩy phát triển đô thị là sự phát triển của các ngành kinh tế phi nông nghiệp như: công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại, dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, hành chính sự nghiệp..., trên cơ sở phát triển tương ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

3.5. Về tạo nguồn vốn xây dựng đô thị

3.5.1. Nguồn vốn từ ngân sách trung ương và địa phương

- Vốn ngân sách trung ương chủ yếu đầu tư phát triển các dự án trọng điểm quốc gia, các kết cấu hạ tầng diện rộng như các tuyến đường quốc lộ, đường sắt quốc gia, công trình công cộng cấp vùng,... Kêu gọi Cơ quan Trung ương đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, thủy lợi, bệnh viện, trường học và cơ sở hạ tầng khu vực của Thành phố. Kết hợp nguồn vốn từ các chương trình quốc gia và các dự án viện trợ quốc tế để tạo ra sức mạnh tổng thể của nguồn vốn và tăng cường hiệu quả đầu tư.

- Vốn ngân sách địa phương chủ yếu đầu tư phát triển các dự án trọng điểm của tỉnh, thành phố và kết cấu hạ tầng khung trong tỉnh, thành phố như đường tỉnh, đường huyện, các tuyến đường trục chính đô thị, các trung tâm hành chính, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế của đô thị...

3.5.2. Vốn ngoài ngân sách

*. Vốn doanh nghiệp huy động từ phương thức đối tác công tư (PPP)

- Việc kêu gọi các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, đặc biệt là mô hình hợp tác công tư (PPP) được xem là giải pháp hiệu quả, thu hút tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn lực của khu vực tư nhân cũng như các nguồn lực của chính quyền, tạo động lực mới thúc đẩy kinh tế, xã hội của địa phương.

*. Xã hội hóa, đầu tư tư nhân: Tăng cường huy động các nguồn lực của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước xây dựng các công trình hạ tầng xã hội cho phát triển đô thị.

*. Vốn viện trợ phát triển: Tận dụng vốn viện trợ ODA, tập trung xây dựng các công trình cung cấp dịch vụ công thiết yếu như y tế, cấp nước, thoát nước, xây dựng cơ sở hạ tầng; nâng cấp giao thông nông thôn; công trình thủy lợi phòng chống thiên tai; trồng và chăm sóc rừng...

*. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài. Chú trọng phát huy đầu tư nhằm thu hút làn sóng đầu tư mới vào địa phương.

IV. DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ, NGUỒN VỐN

- Kinh phí tổng thể thực hiện Chương trình khoảng **48.945** tỷ đồng.

- Dự kiến kinh phí trong khung thời gian của chương trình cụ thể như sau:

+ Giai đoạn đến 2025: khoảng 3.920 tỷ đồng

+ Giai đoạn 2026 – 2030: khoảng 45.025 tỷ đồng

- Dự kiến phân bổ nguồn vốn cụ thể như sau:

+ Vốn NSNN: khoảng 9.753 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn khác: khoảng 39.192 tỷ đồng

Bảng 6: Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phát triển đô thị theo giai đoạn

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Giai đoạn	Nhu cầu đầu tư khái toán (tỷ đồng)			
		Ngân sách Trung ương (*)	Ngân sách Tỉnh (*)	Ngân sách Thành phố (*)	Nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đến năm 2025	0,00	92,50	337,59	3.490,84
2	Đến năm 2030	4.118,04	3.442,99	1.762,43	35.701,54
	TỔNG CỘNG	4.118,04	3.535,49	2.100,02	39.192,38

(*) Tính theo suất giá đầu tư năm 2023 chưa tính tới yếu tố trượt giá

(**) Nhu cầu vốn thực tế sẽ do nhà đầu tư đề xuất

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí tùy theo chức năng và nhiệm vụ, cần tăng cường công tác quản lý, đảm bảo sử dụng đúng và có hiệu quả nguồn lực cho phát triển đô thị nói chung và phát triển hệ thống dịch vụ xã hội nói riêng nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển đô thị cho thành phố Uông Bí, mặt khác đảm bảo an sinh xã hội, chăm lo cải thiện không ngừng đời sống nhân dân theo nội dung Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì triển khai công bố Chương trình phát triển đô thị thành phố Uông Bí đến năm 2030;

- Tổ chức lập kế hoạch, triển khai thực hiện và chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án phát triển đô thị có trong danh mục định hướng phát triển trên địa bàn thành phố; tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tổ chức triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung Chương trình phát triển đô thị tới cộng đồng dân cư trên địa bàn để vận động sự ủng hộ của cộng đồng thực hiện xây dựng Chương trình phát triển đô thị.